

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3264/BCT-CN

V/v thẩm định dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 648/VPCP-CN ngày 23 tháng 01 năm 2020 về việc giao Bộ Công Thương sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ, Bộ Công Thương đã thực hiện việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 111/2015/NĐ-CP, xây dựng Dự thảo Nghị định theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Bộ Công Thương kính đề nghị Bộ Tư Pháp thẩm định Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ, gồm các tài liệu sau:

i) Dự thảo Tờ trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP;

ii) Báo cáo đánh giá tác động chính sách của Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP;

iii) Bảng tổng hợp ý kiến góp ý xây dựng Nghị định;

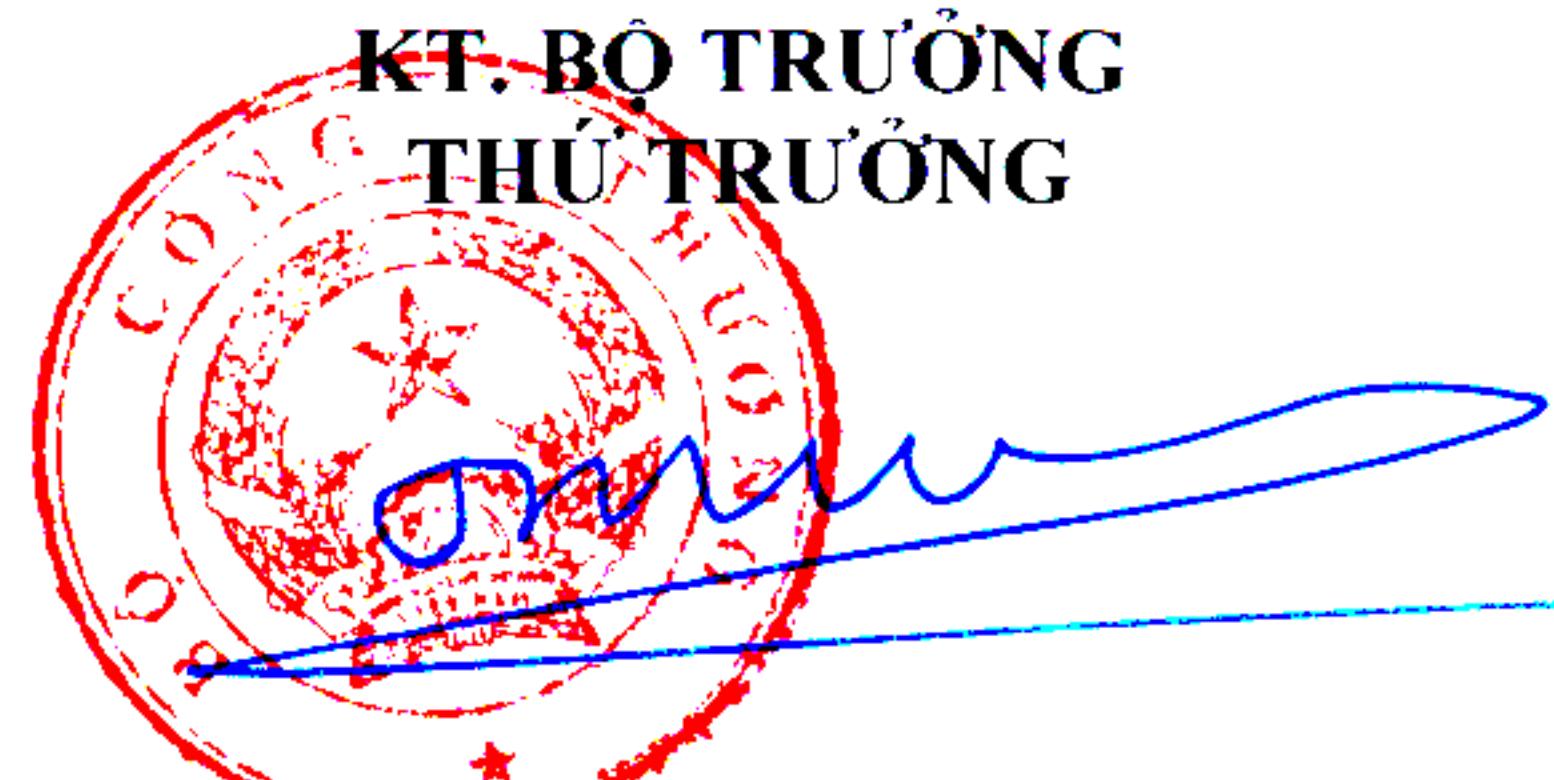
iv) Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP;

v) Công văn số 648/VPCP-CN ngày 23 tháng 01 năm 2020 về việc sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP.

Bộ Công Thương kính gửi Bộ Tư pháp các văn bản, tài liệu liên quan, kính đề nghị Bộ Tư pháp thực hiện thẩm định Dự thảo Nghị định theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CN.

**Đỗ Thắng Hải**

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT-BCt

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TÒ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 3 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 598/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến 2025”. Trong đó, giao Bộ Công Thương “Nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT)” (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Bộ Công Thương đã thành lập Ban soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định với đại diện các Bộ ngành có liên quan; đồng thời có văn bản gửi các Bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị rà soát và báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 111/2015/NĐ-CP. Bộ Công Thương đã tổng hợp và Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình Nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP tại văn bản số 10039/BCT-CN ngày 27 tháng 12 năm 2019.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại văn bản số 648/VPCP-CN ngày 23 tháng 01 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ về việc nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, Bộ Công Thương đã hoàn thiện Dự thảo Nghị định, tổ chức họp Ban soạn thảo, gửi dự thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các hiệp hội ngành hàng. Bộ Công Thương kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Đánh giá kết quả triển khai Nghị định 111/2015/NĐ-CP****1.1. Kết quả đạt được**

Nghị định số 111/2015/NĐ-CP được ban hành ngày 03 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 (sau đây gọi tắt là Nghị định 111/2015/NĐ-CP), đã tạo nền tảng pháp lý về cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển CNHT và thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực này.

Các Bộ, ngành, địa phương đã quyết tâm triển khai thực hiện Nghị định tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp CNHT, giúp các doanh nghiệp tiếp cận với các chính sách ưu đãi của nhà nước qua đó từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và được nhà nước hỗ trợ tham gia vào chuỗi sản xuất linh kiện, phụ tùng của các tập đoàn đa quốc gia sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh, các doanh nghiệp phát triển có định hướng thông qua Danh mục sản phẩm CNHT ưu

tiên phát triển. Các địa phương đẩy mạnh thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm thu hút đầu tư cho sản xuất công nghiệp nói chung và CNHT nói riêng phù hợp với thế mạnh của địa phương, đảm bảo tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp và gia tăng chuỗi liên kết ngành, liên kết vùng.

Các doanh nghiệp, các nhà đầu tư đã quyết tâm, nỗ lực trong việc nắm bắt nhu cầu thị trường, nghiên cứu cơ chế chính sách để lựa chọn sản phẩm đầu tư, đổi mới công nghệ sản xuất nhằm tạo ra những sản phẩm hỗ trợ đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng, mẫu mã từ đó đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh và tận dụng được các chính sách ưu đãi của nhà nước.

a) Về Chương trình phát triển CNHT

Chương trình phát triển CNHT giai đoạn 2016-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2017 (sau đây gọi tắt là Chương trình), chính thức được triển khai từ năm 2018. Qua 02 năm thực hiện, Chương trình đã đạt được những kết quả nhất định đối với 05 nhóm hoạt động chính, bao gồm:

- Hoạt động kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp CNHT trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực CNHT;
- Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất;
- Hoạt động hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm CNHT;
- Hoạt động hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu;
- Hoạt động xây dựng và vận hành trang thông tin về CNHT.

b) Về các chính sách ưu đãi đối với CNHT

Thực hiện Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển CNHT, Bộ Công Thương đã triển khai công tác xác nhận ưu đãi cho dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển. Tính đến tháng 12 năm 2019 có tổng số: 66 hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi, trong đó, Bộ Công Thương đã cấp giấy xác nhận ưu đãi cho 40 hồ sơ hợp lệ và đúng quy định.

c) Về Trung tâm phát triển CNHT

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1970/QĐ-BCT thành lập Trung tâm Hỗ trợ phát triển công nghiệp (IDC) trực thuộc Cục Công nghiệp. Bên cạnh các hoạt động như Xúc tiến kết nối thị trường; Tư vấn chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực doanh nghiệp; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực..., IDC còn đóng vai trò là Trung tâm kỹ thuật, trực tiếp hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp về máy móc, kỹ thuật, công nghệ, thiết bị đo kiểm, dịch vụ đo kiểm, đánh giá xác nhận chất lượng sản phẩm công nghiệp, chế tạo thử nghiệm sản phẩm công nghiệp và là nơi triển lãm, gặp gỡ cung – cầu giữa các doanh nghiệp CNHT.

d) Tình hình hợp tác quốc tế

Các hoạt động hợp tác quốc tế đã được triển khai theo đúng định hướng của Bộ Công Thương, tạo dựng được quan hệ hợp tác quốc tế ổn định, lâu dài với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc; triển khai các chương chương trình hợp tác cùng World Bank, Unido để hỗ trợ doanh nghiệp CNHT. Các chương trình hợp tác quốc tế đều nhằm mục tiêu hỗ trợ tìm kiếm, kết nối thị trường cho doanh nghiệp CNHT; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp để có thể tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận đối tác, nhà đầu tư... nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, góp phần thúc đẩy phát triển CNHT Việt Nam.

1.2. Những hạn chế, bất cập

Sau 04 năm triển khai, Nghị định 111/2015/NĐ-CP đã đạt được những kết quả nhất định, các chính sách hỗ trợ phát triển CNHT và chính sách ưu đãi đối với CNHT đã phát huy tác dụng, tạo tính lan tỏa, góp phần thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp trong nước.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, Nghị định 111/2015/NĐ-CP vẫn còn tồn tại một số điểm vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, đó là các nội dung liên quan đến Sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển, công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT, đối tượng được hưởng ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm CNHT, tính đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật và khả năng thực thi của một số chính sách về tín dụng, đất đai và môi trường và các chính sách hỗ trợ khác, cụ thể như sau:

a) Về Khái niệm CNHT và Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển

- Khái niệm về CNHT chưa bao quát hết các ngành và lĩnh vực sản xuất CNHT. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp chuyên xử lý các công nghệ như rèn, dập, đúc, mạ, tráng, sơn, nhuộm, thuộc da, thiết kế (đối với ngành dệt may, da giày)... đây là các công đoạn quan trọng trong quá trình sản xuất sản phẩm CNHT, nhưng do là sản phẩm trung gian, không chế tạo, sản xuất ra sản phẩm cụ thể nên hiện không nằm trong danh mục đối tượng được hưởng ưu đãi.

- Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển tuy đã được xây dựng khá rộng để tránh bỏ sót, tuy nhiên vẫn còn thiếu, chưa bao trùm hết các sản phẩm CNHT cần ưu tiên phát triển của các ngành. Bên cạnh đó, sau gần 04 năm thực hiện, trình độ của các doanh nghiệp cũng nhu cầu các sản phẩm CNHT đã có nhiều thay đổi.

Các bất cập về khái niệm cũng như danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển cần sửa đổi để phù hợp với thực tiễn phát triển CNHT Việt Nam, để các chính sách ưu đãi, hỗ trợ có thể tiếp cận được đúng đối tượng doanh nghiệp, tạo động lực để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển CNHT tại Việt Nam.

b) Các chính sách hỗ trợ

b1. Chính sách hỗ trợ tín dụng

Các chính sách tín dụng đã ban hành có hiệu quả và hiệu lực rất thấp, hầu

như chưa hỗ trợ được cho các doanh nghiệp CNHT. Theo quy định hiện hành, các doanh nghiệp CNHT được vay nguồn tín dụng đầu tư phát triển từ Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB). Tính từ thời điểm nghị định 75/2011/NĐ-CP có hiệu lực từ năm 2011, không có khoản vay nào được giải ngân. Nguyên nhân chủ yếu do các doanh nghiệp CNHT có số lượng đông đảo, chủ yếu là các đối tượng vừa và nhỏ. Trong khi đó VDB có mạng lưới hoạt động chưa rộng khắp, chủ yếu tập trung vào việc cho vay các khoản đầu tư lớn của các doanh nghiệp lớn Nhà nước và các dự án có quy mô lớn, không phù hợp cho đối tượng doanh nghiệp CNHT.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2017/NĐ-CP về tín dụng đầu tư của nhà nước (Nghị định số 32), thay thế Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2011 về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước. Theo báo cáo Tổng kết thi hành Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước, qua thực tiễn nhiều quy định tại Nghị định số 32 bộc lộ những bất cập, khó đi vào cuộc sống, kết quả sau hơn 02 năm kể từ khi Nghị định số 32 có hiệu lực thi hành, việc triển khai nhiệm vụ tín dụng đầu tư tại VDB vẫn chưa thực hiện được do nhiều khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện. Danh mục đối tượng vay vốn được quy định tại Nghị định số 32 tập trung vào một số lĩnh vực cần được Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích, có quy mô thuộc nhóm A, B, C. Tuy nhiên, các dự án thuộc ngành CNHT từ trước đến nay không phát sinh với nguyên nhân chủ yếu là dự án có quy mô nhỏ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thủ tục vay chưa phù hợp. Như vậy, mặc dù đã được ban hành gần 10 năm (tính từ thời điểm Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2011 có hiệu lực), cơ chế tín dụng đầu tư của nhà nước đã không đi vào thực tiễn.

Bên cạnh đó, Chính sách hỗ trợ tín dụng tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP (điểm c, Khoản 1 Điều 5) được quy định chung chung theo cơ chế tín dụng đầu tư của nhà nước, bởi vậy cũng không tháo gỡ được khó khăn cho doanh nghiệp CNHT trong việc tiếp cận được nguồn tín dụng ưu đãi này. Do vậy, tại Nghị định sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, điểm này nên được điều chỉnh theo hướng thay đổi phương thức tiếp cận vốn và quy định cụ thể mức hỗ trợ của Nhà nước.

b2. Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường

Nghị định số 111/2015/NĐ-CP quy định hỗ trợ lãi suất khi vay từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam. Tuy nhiên, trong pháp luật về đất đai và môi trường không có các quy định đặc thù và rõ ràng về các ưu đãi này cho các dự án CNHT, hoạt động xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của các Dự án sản xuất sản phẩm CNHT, do đó, chưa có doanh nghiệp CNHT nào tiếp cận được với các ưu đãi nói trên.

b3. Về việc xây dựng các Trung tâm CNHT và chính sách hỗ trợ cho Trung tâm

- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP quy định “Trung tâm phát triển CNHT được hình thành trên cơ sở sáp xếp lại các đơn vị hiện có của Bộ Công Thương”. Trên thực tế, việc sáp xếp lại các đơn vị hiện có là khá phức tạp. Cơ cấu tổ chức và các định hướng hoạt động của các đơn vị này không được hướng tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các đơn vị này phần lớn đang được tổ chức sáp xếp lại theo hướng cổ phần hóa theo các đề án đã được duyệt. Và như vậy, việc hình thành trung tâm

trên cơ sở sắp xếp lại sẽ mất nhiều thời gian, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ thành lập các trung tâm cũng như việc phát huy vai trò của Trung tâm trong việc thúc đẩy phát triển CNHT;

- Qua các năm gần đây, các ngành công nghiệp chế tạo, chế biến chiếm tỷ trọng cao - gần 90% trong tổng doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của nền kinh tế, nhưng chỉ đóng góp khoảng gần 15% GDP, giá trị gia tăng rất thấp so với các ngành công nghiệp khác. Xuất khẩu công nghiệp phần lớn là những ngành sản xuất sản phẩm cuối cùng như điện tử, dệt may và da dày, phụ thuộc chủ yếu vào nguyên liệu, phụ tùng và vật liệu nhập khẩu do CNHT đòi hỏi nhiều vốn và công nghệ kém phát triển. Việc phụ thuộc phần lớn linh kiện và phụ tùng nhập khẩu đã làm cho giá trị gia tăng tạo ra do ngành công nghiệp chế biến chế tạo rất thấp so với các quốc gia trong khu vực. Điều đó chứng tỏ năng lực hỗ trợ hiện nay cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đặc biệt về kỹ thuật và công nghệ vừa yếu lại vừa thiếu. Việc thành lập các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ trực tiếp cho phát triển công nghiệp là cần thiết và phù hợp với thực tiễn. Trong quá trình hoạt động, các trung tâm sẽ xây dựng mối liên hệ chặt chẽ với các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức kỹ thuật khác để phát huy tối đa hiệu quả trong việc hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp như hàng trăm trung tâm kỹ thuật đang được Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... triển khai;

- Ngoài ra, cũng qua thực tế hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp (IDC), việc vận hành hiệu quả Trung tâm gặp nhiều khó khăn do quy định hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính, đặc biệt trong giai đoạn đầu mới đi vào hoạt động.

Vì vậy, việc thành lập các trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp nên có điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế, trong đó cần thiết nêu rõ những các chính sách hỗ trợ dành cho Trung tâm

c) Về chính sách ưu đãi

c1. Về đối tượng xác nhận ưu đãi

- Điều 11 Nghị định 111/2015/NĐ-CP quy định Đối tượng và thủ tục xác nhận ưu đãi. Trong đó, Dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển: *Bao gồm dự án đầu tư mới, dự án mở rộng và đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới, sản xuất sản phẩm với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%*. Tuy nhiên, trong thực tế, doanh nghiệp có nhiều dự án hoặc một dự án nhưng đầu tư mở rộng nhiều lần vào các thời điểm khác nhau. Nghị định chưa quy định cụ thể, rõ ràng dự án hoạt động từ thời điểm nào thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi nên cũng gây khó khăn cho việc thực hiện thủ tục cấp giấy xác nhận ưu đãi, cũng như việc hưởng ưu đãi sau khi được cấp giấy xác nhận.

- Ngoài ra, Nghị định 111/2015/NĐ-CP cũng chưa quy định cụ thể về tiêu chí xác định dự án tăng năng lực sản xuất ít nhất 20%. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xác định dự án thuộc đối tượng được áp dụng ưu đãi theo diện tăng năng lực sản xuất 20% như quy định của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP.

c2. Chính sách ưu đãi về thuê đất, mua nước

Nghị định số 111/2015/NĐ-CP quy định những ưu đãi khi thuê đất, thuê mua nước. Tuy nhiên, trong pháp luật về đất đai và môi trường không có các quy định đặc thù và rõ ràng về các ưu đãi này cho các dự án CNHT, do đó, chưa có doanh nghiệp CNHT nào tiếp cận được với các ưu đãi nói trên.

Với những lý do đã trình bày ở trên, cùng với quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định 111/2015/NĐ-CP, “Bộ Công Thương có trách nhiệm rà soát, cập nhật Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển với điều kiện thực tế từng thời kỳ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt”, Bộ Công Thương thấy rằng việc sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển CNHT nhằm hoàn thiện và đáp ứng những yêu cầu của thực tiễn trong hoạt động phát triển CNHT trên phạm vi cả nước là thật sự cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VỀ XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Việc sửa đổi, bổ sung Nghị định cần bám sát theo yêu cầu của thực tiễn trong hoạt động phát triển CNHT nhằm:

- Tận dụng tối đa các lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa các nguyên vật liệu và phụ tùng, giảm nhập khẩu linh kiện nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm công nghiệp cuối cùng;
- Đưa ra được các chính sách có tính khả thi cao nhằm thu hút đầu tư phát triển công nghiệp thương nguồn và hạ nguồn để tạo đầu vào và đầu ra cho việc phát triển sản xuất các sản phẩm CNHT;
- Đưa ra được các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ hợp lý về tài chính, nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ, quản trị sản xuất... cho các doanh nghiệp CNHT, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực CNHT nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu;
- Đưa ra các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đặc thù, phân biệt với các chính sách hỗ trợ, ưu đãi trong các quy phạm pháp luật chung khác (ví dụ như Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Đầu tư...); Đề hiếu, phù hợp với các quy định hiện hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Quá trình xây dựng Dự thảo Nghị định tuân thủ đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự thủ tục rút gọn, cụ thể là:

- Nhằm tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 3 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển CNHT, Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển và để phục vụ công tác rà soát, đánh giá hiệu quả thực thi văn bản quy phạm pháp luật và đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 09 tháng 02 năm 2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 1257/BCT-CN và Công văn số 1258/BCT-CN gửi các Bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để

nghi rà soát và báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 111/2015/NĐ-CP và Thông tư số 55/2015/TT-BCT

- Ngày 25 tháng 5 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 598/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến 2025”, theo đó, Bộ Công Thương được giao nhiệm vụ “**Nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển CNHT**”;

- Ngày 22 tháng 5 năm 2018, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1766/QĐ-BCT thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển CNHT; Quyết định số 3135/QĐ-BCT ngày 06/10/2019 điều chỉnh Quyết định số 1766/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển CNHT;

- Ngày 27 tháng 12 năm 2019, trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu các ý kiến góp ý, Bộ Công Thương đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình Nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP tại văn bản số 10039/BCT-CN;

- Ngày 03 tháng 2 năm 2020, Dự thảo Nghị định được đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương để lấy ý kiến rộng rãi của toàn thể nhân dân;

- Bộ Công Thương đã nhận được ý kiến góp ý các Bộ (Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Lao động – Thương Binh và Xã hội; Tài nguyên và Môi trường); các địa phương và một số ý kiến của Hiệp hội ngành nghề, các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân có liên quan. Các ý kiến đóng góp phù hợp đã được Bộ Công Thương nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh lý trong Dự thảo Nghị định.

Ngày, Dự thảo Nghị định đã được Hội đồng thẩm định của Bộ Tư pháp đưa ra xem xét, đánh giá theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Công Thương đã hoàn thiện Dự thảo Nghị định, Tờ trình và các hồ sơ liên quan trình Chính phủ xem xét ban hành.

IV. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Kết cấu dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP gồm 02 điều, trong đó:

- Điều 1 quy định về các nội dung sửa đổi tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP.
- Điều 2 quy định về hiệu lực thi hành, tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành Nghị định.

2. Những nội dung mới của dự thảo Nghị định sửa đổi so với Nghị định số 111/2015/NĐ-CP

2.1. Về các quy định chung

a. Khái niệm về CNHT, sản phẩm CNHT và hoạt động CNHT:

a1. Khái niệm về CNHT (Khoản 1 Điều 3) được sửa đổi như sau: “Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp *gia công*, sản xuất nguyên liệu, *phụ liệu*, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.” Khái niệm này đã được bổ sung thêm công đoạn *gia công* và *phụ liệu* để bao trùm được thêm các sản phẩm CNHT cho ngành CN dệt may, da giày, điện tử, sản xuất, lắp ráp ô tô và cơ khí chế tạo.

a2. Hoạt động phát triển CNHT (Khoản 4 Điều 3) được thay thế theo hướng phù hợp với thực tế triển khai và các văn bản về Chương trình phát triển CNHT đã ban hành.

2.2. Về các chính sách hỗ trợ phát triển CNHT

a. Chính sách hỗ trợ trong hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ

Điều 5 Nghị định 111/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo hướng bổ sung thêm hoạt động *ứng dụng, thành ứng dụng và chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển; đồng thời bổ sung thêm các Chương trình ưu đãi cụ thể mà các đối tượng sẽ được hưởng hỗ trợ đó là: Chương trình phát triển CNHT, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.*

b. Chính sách hỗ trợ tín dụng

Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan đến chính sách hỗ trợ tín dụng như sau:

- Tại Nghị định cũ, chính sách hỗ trợ tín dụng được đặt trong Chương III về chính sách ưu đãi (điểm c Khoản 1 Điều 12). Tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, nội dung về hỗ trợ tín dụng được chuyển về chương II – Các chính sách hỗ trợ để đảm bảo phân loại chính sách theo Luật Đầu tư và phù hợp với kết cấu chung của Nghị định.

- Đồng thời, bổ sung Điều 8a tại Dự thảo Nghị định, theo đó, chính sách tín dụng được sửa đổi, bổ sung chi tiết hơn, nhằm có chính sách hỗ trợ cụ thể tới các đối tượng và thực sự tạo động lực thu hút đầu tư vào CNHT. Các doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục Nghị định này được:

+ Hỗ trợ 3% lãi suất từ ngân sách nhà nước đến hết năm 2030 khi vay vốn đầu tư từ ngân hàng thương mại với hạn mức tối đa không quá 80% tổng mức đầu tư của dự án trong thời hạn tối đa 10 năm.

+ Được vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với mức lãi suất cho vay theo trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời kỳ.

c. Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường

Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường đã được quy định cụ thể hơn trong Dự thảo

này bằng việc bổ sung Điều 8b về Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường. Theo đó, các doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển được quy định tại Phụ lục Nghị định này được:

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ có mục tiêu của ngân sách Trung ương đối với Khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp có tỷ lệ diện tích đất cho các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển thuê, thuê lại tối thiểu đạt 20% diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê của khu, cụm công nghiệp.

+ Được vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam cho hạng mục xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của Dự án.

d. Về Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp và chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho Trung tâm

Dự thảo Nghị định, Điều 9 quy định về Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn như sau:

- Bổ sung các chức năng chính của Trung tâm, theo đó, chức năng chính của Trung tâm bao gồm: *hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp trong đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển sản xuất thử nghiệm, giải mã chuyên giao công nghệ, và cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực Công Thương.*

- Việc thành lập các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp được phân tách ra 02 đối tượng là Trung tâm vùng và Trung tâm của địa phương. Theo đó, thẩm quyền và trách nhiệm xây dựng được giao cho Bộ Công Thương (đối với Trung tâm vùng) và UBND các tỉnh, thành phố (đối với Trung tâm địa phương) và việc thành lập Trung tâm sẽ được thực hiện trên cơ sở *các đề án được phê duyệt; đối với địa phương, còn căn cứ vào yêu cầu, mục tiêu phát triển công nghiệp và nguồn lực của địa phương để thành lập Trung tâm.*

- Bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp.

2.3. Về các chính sách ưu đãi đối với CNHT

a. Về đối tượng ưu đãi

Dự thảo Nghị định sửa đổi, Đối tượng ưu đãi được quy định tại Khoản 1 Điều 11, được sửa đổi theo hướng quy định cụ thể hơn về đối tượng cũng như thời gian xác định dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng để phù hợp với thực tiễn của CNHT Việt Nam, tạo động lực để các doanh nghiệp tập trung phát triển CNHT.

b. Chính sách ưu đãi quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP

b1. Ưu đãi về thuế

Tại Dự thảo này, các chính sách ưu đãi về thuế được quy định để phù hợp với pháp luật hiện hành, đó là “*Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Điều 11 Nghị định này được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế*”.

b2. Ưu đãi về thuê đất, mặt nước

Nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào CNHT, chính sách ưu đãi về thuê đất, mặt nước được quy định cụ thể hơn tại Khoản 2 Điều 12 Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung như sau: “*Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục Nghị định này được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày được xác nhận ưu đãi, thuê mặt nước và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 5 (năm) năm tiếp theo.*”

2.4. Về tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

- Từ các điểm điều chỉnh bổ sung trên, cùng thực tế triển khai, Dự thảo Nghị định được sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến điều khoản thi hành.

- Điều khoản về xử lý chuyển tiếp (Điều 16) được chỉnh sửa như sau: “Việc xử lý chuyển tiếp đối với các dự án đang sản xuất sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, thuế và đất đai.”

2.5. Về phụ lục Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển

Danh mục sản phẩm được điều chỉnh cho phù hợp hơn với thực tế theo hướng: sắp xếp lại và bổ sung thêm sản phẩm trong Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển nhằm khắc phục những hạn chế trong thực tiễn.

IV. Ý kiến tham gia của các Bộ, ngành

V. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Bộ Công Thương kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CN.

Trần Tuân Anh

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TẠI
NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2015/NĐ-CP NGÀY 3 THÁNG 11 NĂM 2015 CỦA
CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ**
(Kèm theo Tờ trình số /TT-BCt ngày tháng năm 2020)

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 598/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, xét đến 2025”, theo đó, Bộ Công Thương được giao nhiệm vụ “Nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ”. Triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị định số 111/2015/NĐ-CP và báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Ngày 23 tháng 01 năm 2020, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 648/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng về việc chủ động nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, Bộ Công Thương xin báo cáo đánh giá tác động việc ban hành Nghị định này như sau:

I. Xác định vấn đề bất cập

1. Đánh giá kết quả đạt được

Nghị định số 111/2015/NĐ-CP được ban hành ngày 03 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 (sau đây gọi tắt là Nghị định 111/2015/NĐ-CP), đã tạo nền tảng pháp lý về cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển CNHT và thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực này.

Các Bộ, ngành, địa phương đã quyết tâm triển khai thực hiện Nghị định tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp CNHT trong việc tiếp cận với các chính sách ưu đãi của Nhà nước, qua đó từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và tạo cơ hội cho các doanh nghiệp có thể tham gia vào chuỗi sản xuất linh kiện, phụ tùng của các tập đoàn đa quốc gia sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh, các doanh nghiệp phát triển có định hướng thông qua Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển. Các địa phương đẩy mạnh thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm thu hút đầu tư cho sản xuất công nghiệp nói chung và CNHT nói riêng phù hợp với thế mạnh của địa phương, đảm bảo tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp và gia tăng chuỗi liên kết ngành, liên kết vùng.

Các doanh nghiệp, các nhà đầu tư đã quyết tâm, nỗ lực trong việc nắm bắt nhu cầu thị trường, nghiên cứu cơ chế chính sách để lựa chọn sản phẩm đầu tư, đổi mới công nghệ sản xuất nhằm tạo ra những sản phẩm hỗ trợ đáp ứng được

đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng, mẫu mã từ đó đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh và tận dụng được các chính sách ưu đãi của nhà nước.

a) Chương trình phát triển CNHT giai đoạn 2016-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2017 (sau đây gọi tắt là Chương trình), chính thức được triển khai từ năm 2018. Qua 02 năm thực hiện, Chương trình đã đạt được những kết quả nhất định với cả 05 nội dung chính của Chương trình.

- *Hoạt động kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp CNHT trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ:* tổ chức thành công 41 hội thảo, diễn đàn CNHT; 01 triển lãm quốc tế về công nghiệp tại Việt Nam; 11 khóa đào tạo hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nâng cao kỹ năng kết nối khách hàng và tìm kiếm đối tác tiềm năng; 14 đợt xúc tiến gồm đoàn cán bộ, doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm, xúc tiến đầu tư tại thị trường nước ngoài. Các hoạt động diễn ra đều nhằm mục tiêu công bố, chia sẻ thông tin về ngành, về thị trường, kinh nghiệm tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu của các doanh nghiệp, giúp doanh trung bày, quảng bá sản phẩm, tìm kiếm khách hàng, nhà cung cấp, đẩy mạnh liên kết trong sản xuất, kinh doanh, thu hút các nhà đầu tư, tìm hiểu về công nghiệp hỗ trợ Việt Nam, kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư vào thị trường Việt Nam trong lĩnh vực CNHT.

Triển khai trong 02 năm, số các doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động của Chương trình đạt 1.485 doanh nghiệp, 52 doanh nghiệp được tham gia chương trình huấn luyện, tư vấn và kết nối doanh nghiệp CNHT tiếp cận hiệu quả với các doanh nghiệp lắp ráp, doanh nghiệp sản xuất linh kiện lớp trên.

Các doanh nghiệp CNHT được tham gia vào các hoạt động của Chương trình đều có phản hồi tích cực về tính hiệu quả và thiết thực mà các hoạt động mang lại cho họ. Đồng thời, các doanh nghiệp mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ Chương trình để thúc đẩy hơn nữa năng lực kết nối với đối tác, khách hàng lớn, giúp các doanh nghiệp có thể tiếp cận được với các thị trường tiềm năng và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- *Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất:* Tính đến cuối năm 2019, Chương trình đã tiến hành khảo sát được 1.441 doanh nghiệp để đào tạo, tư vấn, hỗ trợ; tổ chức 87 khóa đào tạo (lý thuyết, thực hành), xây dựng 21 bộ giáo trình, tài liệu giảng dạy với gần 300 doanh nghiệp (lĩnh vực CNHT, ô tô, cơ khí chế tạo, điện tử, dệt may và da giày) được hỗ trợ đào tạo về các hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế. Chương trình cũng đã tổ chức tư vấn cải tiến sản xuất, chất lượng, quy trình, công nghệ cho 269 doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực cung ứng để phấn đấu trở thành nhà cung cấp cho các MNEs tại Việt Nam.

Bên cạnh hoạt động đào tạo, Chương trình cũng đã tổ chức thành công 17 hội thảo nhằm chia sẻ kinh nghiệm áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, mô hình

sản xuất, tạo tính lan tỏa lớn và nâng cao hiệu biết và sự quan tâm của các doanh nghiệp Việt Nam trong việc tiếp cận và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế trong sản xuất và quản trị doanh nghiệp.

- *Hoạt động hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp* hỗ trợ là nội dung với nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa, được triển khai trực tiếp tại doanh nghiệp. Trên cơ sở khảo sát 498 doanh nghiệp trong lĩnh vực CNHT được khảo sát, Chương trình đã tổ chức được 46 khóa đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho 94 doanh nghiệp về kỹ thuật, quy trình công nghệ...

- *Hoạt động hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyên giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu* được thực hiện trong 02 năm, đã hỗ trợ nguồn kinh phí từ NSNN cho các đơn vị bao gồm Hiệp hội, Doanh nghiệp, Viện... thực hiện 19 đề án nhằm hỗ trợ nghiên cứu, chế tạo thử nghiệm các sản phẩm, chi tiết phục vụ cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh trong lĩnh vực ô tô, cơ khí, điện tử.

Kết quả đạt được thông qua các đề án là các sản phẩm được chế tạo thử nghiệm thành công, có khả năng ứng dụng trong thương mại và sản xuất.

- *Hoạt động xây dựng và vận hành trang thông tin về công nghiệp hỗ trợ* cũng đã được triển khai mạnh mẽ. Trong 02 năm, Chương trình đã thực hiện được việc xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu các ngành ô tô, cơ khí chế tạo, dệt may, da giày, điện tử nhằm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm, kết nối với các đối tác tiềm năng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp CNHT Việt Nam quảng bá thông tin rộng rãi trong nước và quốc tế.

Ngoài ra, các hoạt động tuyên truyền, quảng bá các thông tin về hoạt động công nghiệp hỗ trợ cũng được chú trọng và đẩy mạnh thông qua nhiều phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, truyền hình, bản tin, trang thông tin điện tử... Kết quả đạt được khoảng 9000 ấn phẩm, 685 bản tin, 189 bài viết, 122 phóng sự, 21 chuyên đề, 25 tọa đàm chuyên ngành đã được thực hiện và truyền thông rộng rãi trên các kênh truyền hình, phát thanh, báo điện tử, báo giấy, tạp chí...

b) Tính đến tháng 12 năm 2019, Bộ Công Thương đã tiếp nhận và xử lý 66 hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP. Trong đó, Bộ Công Thương đã cấp giấy xác nhận ưu đãi cho 40 dự án sản xuất sản phẩm CNHT (tính đến tháng 4/2020 là 48 dự án).

c) Ngày 06 tháng 6 năm 2018, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1970/QĐ-BCT thành lập Trung tâm Hỗ trợ phát triển công nghiệp (IDC) trực thuộc Cục Công nghiệp. Bên cạnh các hoạt động như Xúc tiến kết nối thị trường; Tư vấn chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực doanh nghiệp; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực..., IDC còn đóng vai trò là Trung tâm kỹ thuật, trực tiếp hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp về máy móc, kỹ thuật, công nghệ, thiết bị đo kiểm, dịch vụ đo kiểm, đánh giá xác nhận chất lượng sản phẩm công

nghiệp, chế tạo thử nghiệm sản phẩm công nghiệp và là nơi triển lãm, gặp gỡ cung – cầu giữa các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

d) Các hoạt động hợp tác quốc tế đã được triển khai theo đúng định hướng của Bộ Công Thương, tạo dựng được quan hệ hợp tác quốc tế ổn định, lâu dài với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc; triển khai các chương trình hợp tác cùng World Bank, Unido để hỗ trợ doanh nghiệp CNHT. Các chương trình hợp tác quốc tế đều nhằm mục tiêu hỗ trợ tìm kiếm, kết nối thị trường cho doanh nghiệp CNHT; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp để có thể tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận đối tác, nhà đầu tư... nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, góp phần thúc đẩy phát triển CNHT Việt Nam.

1.2. Những hạn chế, bất cập

Đánh giá sau 04 năm triển khai thực hiện Nghị định 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển CNHT, Nghị định 111/2015/NĐ-CP đã đạt được những kết quả nhất định, các chính sách hỗ trợ phát triển CNHT và chính sách ưu đãi đối với CNHT ban đầu đã phát huy tác dụng, tạo tính lan tỏa, góp phần thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp trong nước.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, Nghị định 111/2015/NĐ-CP vẫn còn tồn tại một số điểm vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, đó là các nội dung liên quan đến Sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển, công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT, đối tượng được hưởng ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm CNHT, tính đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật và khả năng thực thi của một số chính sách về tín dụng, đất đai và môi trường và các chính sách hỗ trợ khác, cụ thể như sau:

a) Khái niệm CNHT: chưa bao quát hết các ngành và lĩnh vực sản xuất CNHT; Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển còn thiếu, chưa bao trùm hết các sản phẩm CNHT cần ưu tiên phát triển của các ngành.

Lý do, các sản phẩm CNHT rất phức tạp và đa dạng, cùng với trình độ của các doanh nghiệp cũng như nhu cầu các sản phẩm CNHT đã có nhiều thay đổi trong 04 năm qua.

Thêm vào đó, các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, có độ phức tạp khác nhau về công nghệ sản xuất, hiện đang được hưởng cùng mức ưu đãi. Để tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghệ cao và tạo ra nhiều giá trị gia tăng, cần phải có các mức ưu đãi khác nhau đối với các loại sản phẩm khác nhau.

b) Các chính sách, ưu đãi, hỗ trợ

Việc tổ chức thực hiện một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ (như chính sách hỗ trợ tín dụng, chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường, chính sách hỗ trợ cho các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp; các cơ chế ưu đãi về thuế, tiền thuê đất...) còn gặp nhiều vướng mắc, thiếu cụ thể, khiến doanh nghiệp CNHT khó khăn trong việc tiếp cận các hỗ trợ và ưu đãi.

Bên cạnh đó, công tác thực thi chính sách về công nghiệp hỗ trợ còn rất hạn chế chưa tạo ra các chế tài chặt chẽ buộc phải tuân thủ về việc bố trí các nguồn lực để triển khai.

c) Đối tượng xác nhận ưu đãi chưa cụ thể, khó xác định, chưa đáp ứng được nhiều tình huống trên thực tế.

Điều 11 Nghị định 111/2015/NĐ-CP quy định Đối tượng và thủ tục xác nhận ưu đãi. Trong đó, Dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển: *Bao gồm dự án đầu tư mới, dự án mở rộng và đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới, sản xuất sản phẩm với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%*. Tuy nhiên, trong thực tế, doanh nghiệp có nhiều dự án hoặc một dự án nhưng đầu tư mở rộng nhiều lần vào các thời điểm khác nhau. Nghị định chưa quy định cụ thể, rõ ràng dự án hoạt động từ thời điểm nào thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi nên cũng gây khó khăn cho việc thực hiện thủ tục cấp giấy xác nhận ưu đãi, cũng như việc hưởng ưu đãi sau khi được cấp giấy xác nhận.

Ngoài ra, Nghị định 111/2015/NĐ-CP cũng chưa quy định cụ thể về tiêu chí xác định dự án tăng năng lực sản xuất ít nhất 20%. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xác định dự án thuộc đối tượng được áp dụng ưu đãi theo diện tăng năng lực sản xuất 20%.

Trong số 40 hồ sơ được cấp xác nhận ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, số lượng các doanh nghiệp Việt Nam chiếm tỷ trọng nhỏ. Một trong những nguyên do của tồn tại này là việc tiếp cận thông tin, các văn bản hướng dẫn chính sách của doanh nghiệp còn hạn chế. Một mặt cũng phải nhìn nhận đối tượng ưu đãi được quy định tại Nghị định số 111 còn chưa phù hợp với điều kiện thực tế của phần nhiều doanh nghiệp CNHT Việt Nam (các doanh nghiệp CNHT Việt Nam thường là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thậm chí siêu nhỏ, biên độ mở rộng khó đạt tới 20%, việc đầu tư dự án mới là khó triển khai).

II. Mục tiêu ban hành Nghị định

Xuất phát từ những phân tích ở trên, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển CNHT để hoàn thiện và đáp ứng những yêu cầu của thực tiễn trong hoạt động phát triển CNHT trên phạm vi cả nước là thật sự cần thiết, với các mục tiêu cần đạt được như sau:

1. Tận dụng tối đa các lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa các nguyên vật liệu và phụ tùng, giảm nhập khẩu linh kiện nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm công nghiệp cuối cùng;

2. Đưa ra được các chính sách có tính khả thi cao nhằm thu hút đầu tư phát triển công nghiệp thương nguồn và hạ nguồn để tạo đầu vào và đầu ra cho việc phát triển sản xuất các sản phẩm CNHT;

3. Đưa ra được các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ hợp lý về tài chính, nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ, quản trị sản xuất... cho các doanh nghiệp CNHT, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực CNHT nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu;

4. Đưa ra các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đặc thù, phân biệt với các chính sách hỗ trợ, ưu đãi trong các quy phạm pháp luật chung khác (ví dụ như Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Đầu tư...); Đề hiều, phù hợp với các quy định hiện hành.

III. Đánh giá tác động của chính sách

1. *Làm rõ thêm một số quy định chung trong Nghị định, bao gồm: Khái niệm về công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và hoạt động công nghiệp hỗ trợ (CNHT):*

Thực tế, khái niệm về CNHT, sản phẩm CNHT, các hoạt động phát triển CNHT tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP chưa bao quát hết các ngành và lĩnh vực sản xuất CNHT. Nhiều doanh nghiệp chuyên xử lý các công đoạn như rèn, dập, đúc, mạ, tráng, sơn, nhuộm, thuộc da... - là các công đoạn quan trọng trong quá trình sản xuất sản phẩm CNHT, rất cần được khuyến khích. Nhưng do đây là sản phẩm trung gian, không chế tạo, sản xuất ra sản phẩm cụ thể nên hiện không nằm trong danh mục được hưởng ưu đãi; tương tự, các hoạt động phát triển CNHT tại Nghị định cũ chưa bao quát hết được các hoạt động đang triển khai trên thực tế.

Do vậy, khái niệm về công nghiệp hỗ trợ, hoạt động phát triển CNHT tại dự thảo Nghị định được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) “Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp *gia công*, sản xuất nguyên liệu, *phụ liệu*, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh”. Khái niệm này đã được bổ sung thêm hoạt động *gia công* và *phụ liệu* để bao trùm được thêm các sản phẩm CNHT cho ngành CN dệt may, da giày.

b) Để bổ sung các hoạt động phát triển CNHT cho phù hợp với thực tế, Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung đã thay thế Khoản 4 Điều 3 về các hoạt động phát triển CNHT theo hướng phù hợp với thực tế triển khai và các văn bản về Chương trình phát triển CNHT đã ban hành. Theo đó, hoạt động phát triển CNHT bao gồm:

- *Rà soát, xây dựng, hoàn thiện các cơ chế chính sách và quy định của pháp luật về phát triển CNHT;*

- *Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ;*

- *Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất;*

- Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;
- Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu, thực hiện các hoạt động thông tin, truyền thông về công nghiệp hỗ trợ;
- Cung ứng dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.
- Các hoạt động khác có liên quan.

2. Về các chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ

a) Chính sách hỗ trợ trong hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ

Điều 5 Nghị định 111/2015/NĐ-CP dù đã có quy định về chính sách hỗ trợ đối với hoạt động chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển, tuy nhiên còn thiếu cụ thể, doanh nghiệp khó xác định được các chương trình và chính sách hỗ trợ. Do đó, tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, Điều 5 được sửa đổi, bổ sung theo hướng bổ sung thêm hoạt động ứng dụng, thành ứng dụng và chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển; đồng thời bổ sung thêm các Chương trình ưu đãi cụ thể mà các đối tượng sẽ được hưởng hỗ trợ đó là: Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chính sách hỗ trợ tín dụng

Các chính sách tín dụng đã ban hành có hiệu quả và hiệu lực rất thấp, hầu như chưa hỗ trợ được cho các doanh nghiệp CNHT. Theo quy định hiện hành, các doanh nghiệp CNHT được vay nguồn tín dụng đầu tư phát triển từ Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB). Tính từ thời điểm nghị định 75/2011/NĐ-CP có hiệu lực từ năm 2011, không có khoản vay nào được giải ngân. Nguyên nhân chủ yếu do các doanh nghiệp CNHT có số lượng đông đảo, chủ yếu là các đối tượng vừa và nhỏ. Trong khi đó VDB có mạng lưới hoạt động chưa rộng khắp, chủ yếu tập trung vào việc cho vay các khoản đầu tư lớn của các doanh nghiệp lớn Nhà nước và các dự án có qui mô lớn, không phù hợp cho đối tượng doanh nghiệp CNHT.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2017/NĐ-CP về tín dụng đầu tư của nhà nước (Nghị định số 32), thay thế Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2011 về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước. Theo báo cáo Tổng kết thi hành Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước, qua thực tiễn nhiều quy định tại Nghị định số 32 bộc lộ những bất cập, khó đi vào cuộc sống, kết quả sau hơn 02 năm kể từ khi Nghị định số 32 có hiệu lực thi hành, việc triển khai nhiệm vụ tín dụng đầu tư tại VDB vẫn chưa thực hiện được do nhiều khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện. Danh mục đối tượng vay vốn được quy định tại Nghị định số 32 tập trung vào một số

lĩnh vực cần được Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích thuộc giai đoạn 2017 trở về trước, có quy mô thuộc nhóm A, B, C. Tuy nhiên, một số dự án thuộc danh mục đầu tư không phát sinh nhu cầu vay vốn hoặc nhu cầu vay vốn thấp do hiệu quả đầu tư thấp, rủi ro cao; các dự án đầu tư thuộc chương trình cơ khí trọng điểm, thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ từ trước đến nay không phát sinh.. Từ thực tế đó, Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan đến chính sách hỗ trợ tín dụng như sau:

- Tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, chính sách hỗ trợ tín dụng được đặt trong Chương III về chính sách ưu đãi (điểm c Khoản 1 Điều 12). Tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, nội dung về hỗ trợ tín dụng được chuyển về chương II – Các chính sách hỗ trợ để đảm bảo logic và phù hợp với kết cấu chung của Nghị định.
- Đồng thời, tại Dự thảo Nghị định, chính sách tín dụng được sửa đổi, bổ sung chi tiết hơn, nhằm có chính sách hỗ trợ cụ thể tới các đối tượng và thực sự tạo động lực thu hút đầu tư vào CNHT, bằng cách bổ sung Điều 8a về “*Chính sách hỗ trợ tín dụng*”, theo đó:

“Các doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục Nghị định này được:

1. Hỗ trợ 3% lãi suất từ ngân sách nhà nước khi vay vốn đầu tư từ ngân hàng thương mại với hạn mức tối đa không quá 80% tổng mức đầu tư của dự án trong thời hạn tối đa 10 năm.
2. Được vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với mức lãi suất cho vay theo trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời kỳ.”

c) *Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường*

Đối với chính sách về đất đai và môi trường: Nghị định 111/2015/NĐ-CP quy định những ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước, cũng như việc xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của các Dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển - đặc biệt là cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, trong pháp luật về đất đai và môi trường không có các quy định đặc thù và rõ ràng về các ưu đãi này cho các dự án công nghiệp hỗ trợ, do đó, chưa có doanh nghiệp CNHT nào tiếp cận được với các ưu đãi nói trên. Đồng thời, tương tự chính sách hỗ trợ tín dụng, Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường được chuyển vào trong Chương II về Các chính sách hỗ trợ để phù hợp với logic chung của Nghị định. Theo đó, chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường đã được quy định cụ thể hơn trong Dự thảo này bằng việc bổ sung Điều 8b về *Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường* như sau:

“Các doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được quy định tại Phụ lục Nghị định này được:

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường từ nguồn vốn đầu tư phát triển

của ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ có mục tiêu của ngân sách Trung ương đối với Khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp có tỷ lệ diện tích đất cho các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thuê, thuê lại tối thiểu đạt 20% diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê của khu, cụm công nghiệp.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết điểm này.

2. Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam cho hạng mục xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của Dự án.

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết điểm này.”

d) *Về Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp và chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho Trung tâm*

d1. Thực trạng:

- Việc hình thành Trung tâm “trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị hiện có của Bộ Công Thương”, trên thực tế, khá phức tạp và mất nhiều thời gian, làm ảnh hưởng đến tiến độ thành lập các trung tâm cũng như việc phát huy vai trò của Trung tâm trong việc thúc đẩy phát triển CNHT; việc quy định thành lập trung tâm tại các địa phương là cung nhắc và khó khả thi vì thực tế, việc thành lập Trung tâm phụ thuộc vào điều kiện và nhu cầu của mỗi địa phương.

- Từ thực tế các hoạt động ban đầu của Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp (IDC) trực thuộc Cục Công nghiệp và qua khảo sát nhu cầu của các doanh nghiệp CNHT, hiện nay, nhu cầu được tư vấn công nghiệp và sử dụng các thiết bị dùng chung để tiết kiệm nguồn lực trở thành nhu cầu bức thiết của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Theo các doanh nghiệp, quá trình thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm tốn nhiều chi phí, nên rất cần một cơ sở dùng chung như các trung tâm thử nghiệm đang được Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... triển khai.

- Ngoài ra, cũng qua thực tế hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp (IDC), việc vận hành hiệu quả Trung tâm gặp nhiều khó khăn do quy định hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính, đặc biệt trong giai đoạn đầu mới đi vào hoạt động.

d2. Trước những bất cập đó, tại Dự thảo Nghị định, Điều 9 quy định về Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn như sau:

- Bổ sung các chức năng chính của Trung tâm, theo đó, chức năng chính của Trung tâm bao gồm: *hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp trong đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển sản xuất thử nghiệm, giải mã chuyển giao công nghệ, và cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực Công Thương.*

- Việc thành lập các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp được

phân tách ra 02 đối tượng là Trung tâm vùng và Trung tâm của địa phương. Theo đó, thẩm quyền và trách nhiệm xây dựng được giao cho Bộ Công Thương (đối với Trung tâm vùng) và UBND các tỉnh, thành phố (đối với Trung tâm địa phương) và việc thành lập Trung tâm sẽ được thực hiện trên cơ sở *xây dựng mới* hoặc *sắp xếp lại* các đơn vị hiện có; đối với địa phương, còn căn cứ vào yêu cầu, mục tiêu phát triển công nghiệp và nguồn lực của địa phương để thành lập Trung tâm

- Bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp như sau:

“a) *Ưu tiên bố trí quỹ đất, vốn từ nguồn vốn đầu tư phát triển của Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và mua sắm trang thiết bị;*

b) *Hỗ trợ toàn bộ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư;*

c) *Giao đất không thu tiền sử dụng đất;*

d) *Không phải ký Quỹ bảo đảm dự án;*

đ) *Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.”*

3. Về các chính sách ưu đãi đối với công nghiệp hỗ trợ

a) Về đối tượng ưu đãi

Điều 11 Nghị định 111/2015/NĐ-CP quy định Đối tượng và thủ tục xác nhận ưu đãi. Trong đó, Dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển: Bao gồm dự án đầu tư mới, dự án mở rộng và đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới, sản xuất sản phẩm với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%. Tuy nhiên, trong thực tế, doanh nghiệp có nhiều dự án hoặc một dự án nhưng đầu tư mở rộng nhiều lần vào các thời điểm khác nhau. Nghị định chưa quy định cụ thể, rõ ràng dự án hoạt động từ thời điểm nào thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi nên cũng gây khó khăn cho việc thực hiện thủ tục cấp giấy xác nhận ưu đãi.

Các doanh nghiệp đề nghị xác nhận ưu đãi và được cấp giấy xác nhận ưu đãi hầu hết là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu; các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước được hưởng ưu đãi chiếm tỷ lệ nhỏ. Điều này ít nhiều hạn chế tác động lan tỏa của chính sách ưu đãi đối với CNHT đến ngành công nghiệp trong nước.

Theo đó, tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, Đối tượng ưu đãi được quy định tại Khoản 1 Điều 11, được sửa đổi theo hướng quy định cụ thể hơn về đối tượng cũng như thời gian xác định dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng.

b) Chính sách ưu đãi quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP

b1. Ưu đãi về thuế

Mặc dù có một số bất cập trên thực tế liên quan đến chính sách hưởng ưu

đãi về thuế, cũng như chính sách thuế nói chung như: Hướng ưu đãi về thuế thu nhập DN (các dự án trước thời điểm 01 tháng 01 năm 2015, doanh nghiệp gặp vướng mắc trong quá trình làm việc với cơ quan thuế về việc xin ưu đãi về thuế TNDN theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13, theo đó, các doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện sản xuất sản phẩm CNHT); việc kê khai thuế giá trị gia tăng theo Luật thuế GTGT mới khiến doanh nghiệp CNHT gặp nhiều khó khăn, không khuyến khích được đầu tư.

Tuy nhiên, pháp luật về thuế đã quy định trong Luật, do vậy, mọi chính sách phải tuân theo pháp luật về thuế; tại Dự thảo này, các chính sách ưu đãi về thuế được quy định để phù hợp với pháp luật hiện hành, đó là “*Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Điều 11 Nghị định này được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế*”.

b2. Chính sách ưu đãi về thuế đất, mặt nước được quy định cụ thể hơn (Khoản 2 Điều 12) tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào CNHT. Cụ thể: “*Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục Nghị định này được miễn tiền thuê đất, thuế mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày được xác nhận ưu đãi, thuế mặt nước và giảm 50% tiền thuê đất, thuế mặt nước trong 5 (năm) năm tiếp theo.*”

4. Về phụ lục Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

Tuy đã được xây dựng khá rộng với mục đích để tránh bỏ sót, tuy nhiên vẫn còn thiếu, chưa bao trùm hết các sản phẩm CNHT cần ưu tiên phát triển của từng ngành. Bên cạnh đó, sau 04 năm thực hiện, trình độ của các doanh nghiệp cũng nhu cầu các sản phẩm CNHT đã có nhiều thay đổi.

Chính vì vậy tại Dự thảo Nghị định, Danh mục sản phẩm được điều chỉnh cho phù hợp hơn với thực tế theo hướng: Chính sửa Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển tại Phụ lục Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển để tránh bỏ sót một số sản phẩm.

IV. Ý kiến tham vấn

1. Trong quá trình xây dựng Nghị định Bộ Công Thương đã tiến hành các bước đăng lên Website để xin ý kiến rộng rãi của cá tổ chức, cá nhân; làm việc và xin ý kiến một số Hiệp hội, doanh nghiệp trong nước có liên quan; xin ý kiến các Bộ ngành, địa phương. Các ý kiến tham gia hầu hết đều thống nhất về sự cần thiết phải ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP nhằm khắc phục những tồn tại và hạn chế của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước và tạo điều kiện khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển CNHT.

Các ý kiến góp ý về cơ bản nhất trí với các nội dung, kết cấu trong dự thảo Nghị định và tập trung vào việc bổ sung, điều chỉnh, làm rõ và cụ thể hóa một số nội dung để các quy định của Nghị định có tính thực tế cao, tháo gỡ được những khó khăn đang tồn tại. Các ý kiến đóng góp thể hiện sự quan tâm đến các nội

dung của dự thảo Nghị định, cũng như phản ánh yêu cầu hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phát triển CNHT.

Các ý kiến hợp lý đã được Bộ Công Thương tiếp thu, chỉnh sửa vào Dự thảo.

2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị định: Bộ Công Thương đã chủ trì nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng trình tự thủ tục rút gọn.

3. Các ý kiến còn lại đề nghị bổ sung, hoặc thêm, bớt cho phù hợp với các quy định hiện hành hoặc tình hình thực tiễn, Bộ Công Thương đã tiếp thu và chỉnh sửa trong Dự thảo Nghị định.

V. Đánh giá sau thực hiện

Trên cơ sở thống nhất của các Bộ, ngành, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP để thực hiện các điều chỉnh như nêu tại Mục III sẽ tạo ra khung pháp lý đồng bộ, chính sách hỗ trợ, ưu đãi cụ thể, nhằm tháo gỡ những khó khăn, hạn chế mà Nghị định 111/2015/NĐ-CP hiện tại chưa đáp ứng được, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, phát triển CNHT tại Việt Nam./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

Ngày 05.5.2020

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2015/NĐ-CP NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 6 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển

công nghiệp hỗ trợ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ

1. Khoản 1 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp gia công, sản xuất nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.”

2. Thay thế Khoản 4 Điều 3 như sau:

“Hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ là các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân về công nghiệp hỗ trợ bao gồm:

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện các cơ chế chính sách và quy định của pháp luật về phát triển CNHT;
- Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ;
- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất;
- Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;
- Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu, thực hiện các hoạt động thông tin, truyền thông về công nghiệp hỗ trợ;
- Cung ứng dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.
- Các hoạt động khác có liên quan.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Ứng dụng và chuyển giao

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hỗ trợ từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ như sau:

a) Các dự án, đề án hợp tác giữa doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị có công nghệ ứng dụng trong việc chuyển giao công nghệ được hỗ trợ một phần kinh phí;

b) Chi phí chế tạo thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hỗ trợ tối đa đến 50%.

c) Nhà nước hỗ trợ tối đa đến 75% chi phí chuyển giao công nghệ đối với Dự án sản xuất vật liệu có sử dụng trên 85% nguyên liệu là sản phẩm của quá trình chế biến sâu khoáng sản trong nước bao gồm quặng kim loại, quặng phi kim loại và sản phẩm hóa dầu để phục vụ cho sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

4. Bổ sung Điều 8a như sau:

“Điều 8a. Chính sách hỗ trợ tín dụng

Các doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục Nghị định này được:

1. Hỗ trợ 3% lãi suất từ ngân sách nhà nước khi vay vốn đầu tư từ ngân hàng thương mại với hạn mức tối đa không quá 80% tổng mức đầu tư của dự án trong thời hạn tối đa 10 năm. Thời hạn áp dụng đến hết năm 2030.

2. Được vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với mức lãi suất cho vay theo trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời kỳ.”

5. Bổ sung Điều 8b như sau:

“Điều 8b. Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường

Các doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được quy định tại Phụ lục Nghị định này được:

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ có mục tiêu của ngân sách Trung ương đối với Khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp có tỷ lệ diện tích đất cho các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thuê, thuê lại tối thiểu đạt 20% diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê của khu, cụm

công nghiệp.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết điểm này.

2. Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam cho hạng mục xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của Dự án.

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết điểm này.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp

1. Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp là các tổ chức thực hiện một số chức năng chính như: hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp trong đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển sản xuất thử nghiệm, giải mã chuyển giao công nghệ, và cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực Công Thương.

2. Thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp:

a) Bộ Công Thương thành lập các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng trên cơ sở các đề án được phê duyệt;

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào yêu cầu, mục tiêu phát triển công nghiệp và nguồn lực của địa phương để thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp địa phương trên cơ sở xây dựng mới hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại các đơn vị hiện có.

3. Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Ưu tiên bố trí quỹ đất, vốn từ nguồn vốn đầu tư phát triển của Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và mua sắm trang thiết bị;

b) Hỗ trợ toàn bộ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư;

c) Giao đất không thu tiền sử dụng đất;

d) Không phải ký Quỹ bảo đảm dự án;

đ) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.”

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Đối tượng ưu đãi

Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, bao gồm:

- a) Dự án đầu tư mới;
- b) Dự án đầu tư mở rộng bao gồm: Dự án mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới công nghệ sản xuất hoặc phát triển sản xuất sản phẩm mới, đảm bảo tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định tăng thêm đạt tối thiểu từ 20% so với tổng nguyên giá tài sản cố định hoặc công suất thiết kế tăng thêm tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế ngay trước thời điểm mở rộng.
- c) Dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định Chủ trương đầu tư.”

8. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Chính sách ưu đãi

1. Ưu đãi về thuế:

Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Điều 11 Nghị định này được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Chính sách ưu đãi về thuê đất, mặt nước

Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục Nghị định này được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày được xác nhận ưu đãi, thuê mặt nước và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 5 (năm) năm tiếp theo.”

9. Sửa đổi điểm đ Khoản 1 Điều 14 như sau:

“đ) Phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp.”

10. Bổ sung điểm m Khoản 1 Điều 14:

“m) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, tổ chức đánh giá, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ định kỳ hai (02) năm một lần.”

11. Sửa đổi điểm đ, khoản 2, Điều 14 như sau:

“đ) Quy định chi tiết quy trình hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất thông qua các ngân hàng thương mại để thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định này.”

12. Bổ sung điểm c Khoản 4 Điều 14 như sau:

“c) Chủ trì bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước xây dựng các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp.”

13. Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 6 Điều 14 như sau:

“a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy định hiện hành về chuyên gia là người lao động nước ngoài có trình độ cao trực tiếp tham gia hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ theo hướng đơn giản hóa trình tự, thủ tục cấp giấy phép lao động.”

14. Bổ sung Khoản 7, Khoản 8 Điều 15 như sau

“7. Phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp địa phương theo quy định; cân đối ngân sách địa phương, bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp địa phương.

8. Bố trí quỹ đất để Bộ Công Thương xây dựng các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng.”

15. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Việc xử lý chuyển tiếp đối với các dự án đang sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, thuế và đất đai.”

16. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4; Điều 8; điểm e, Khoản 2 Điều 10; như sau:

Thay thế cụm từ “sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển” tại các mục, Khoản, Điều nêu trên bằng cụm từ “sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển”.

17. Sửa đổi, điểm a Khoản 1 Điều 6, điểm a Khoản 2 và Khoản 4 Điều 11, Khoản 5 Điều 14 như sau:

Thay thế cụm từ “dự án sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển” tại các mục, Khoản, Điều nêu trên bằng cụm từ “Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.
2. Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGD Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).PC.

Nguyễn Xuân Phúc

PHỤ LỤC

DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN
(Ban hành kèm theo Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020
của Chính phủ)

I. NGÀNH DỆT - MAY:

- Xơ, sợi, vải, chỉ
- Hóa chất, chất trợ, thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt, nhuộm, hoàn tất, in, giặt;
- Phụ kiện, phụ liệu ngành may và các chi tiết cấu thành;
- Hạt nhựa;
- Sản phẩm của các công đoạn dệt, nhuộm, hoàn tất, in, thêu, giặt.

II. NGÀNH DA - GIÀY:

- Da, vải giả da, chỉ,
- Dé giày, mũi giày, dây giày;
- Hóa chất thuộc da;
- Phụ kiện, phụ liệu ngành da – giày;
- Khuôn (Phom) giày;
- Hạt nhựa, cao su nguyên liệu.

III. NGÀNH ĐIỆN TỬ:

- Linh kiện, cụm linh kiện, phụ tùng của ngành điện tử;
- Vật liệu để sản xuất linh kiện, cụm linh kiện, phụ tùng của ngành điện tử;
- Khuôn mẫu, đồ gá: Khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá gia công, đồ gá kiểm tra;
- Sản phẩm của các công đoạn đúc, tạo khuôn, tạo hình (nhựa), hàn, xử lý nhiệt, xử lý bề mặt.

IV. NGÀNH SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ VÀ CƠ KHÍ CHẾ TẠO

- Linh kiện, cụm linh kiện, phụ tùng của ngành sản xuất, lắp ráp ô tô; máy gia công cơ khí, máy động lực, máy nông nghiệp, đóng tàu; thiết bị nhà máy công nghiệp và thiết bị điện, thiết bị ngành đường sắt, hàng không;
- Vật liệu để sản xuất linh kiện, cụm linh kiện, phụ tùng của ngành sản xuất, lắp ráp ô tô;
- Khuôn mẫu, đồ gá: Khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá gia công, đồ gá kiểm tra;

- Thép chế tạo để gia công linh kiện, phụ tùng;
- Sản phẩm của các công đoạn đúc, tạo khuôn, tạo hình (nhựa), hàn, xử lý nhiệt, xử lý bề mặt.

VI. CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

- Các loại khuôn mẫu: Khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao;
- Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: Các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp;
- Các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị: Thiết bị ngoại vi, máy vi tính, đồ điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, pin mặt trời; các loại chip vi xử lý; các bộ điều khiển (Bộ điều khiển khả trình PLC, bộ điều khiển CNC, ...);
- Các cụm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo;
- Các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: Các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa;
- Cảm biến các loại: Cảm biến khí, cảm biến gia tốc, cảm biến từ trường; cảm biến sinh học, cảm biến nhiệt độ, cảm biến độ ẩm, cảm biến ánh sáng, cảm biến áp suất....;
- Các loại động cơ thế hệ mới: Động cơ điện, động cơ ống từ, động cơ servo (động cơ bước), động cơ từ kháng, động cơ tuyến tính;
- Các cơ cấu chấp hành có độ chính xác cao;
- Các cụm linh kiện hàng không, máy bay.

**BÁNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Y KIẾN GÓP Ý XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỎ SUNG, THAY THẾ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH 111/2015/NĐ-CP VỀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ**

(Kèm theo Tờ trình số:

/Tr-BCT ngày tháng năm 2020)

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
Số: 111/2015/NĐ-CP năm 2015	Hà Nội, ngày 03 tháng Về phát triển công nghiệp hỗ trợ			Dự thảo ngày 20 - 4 - 2020
NGHỊ ĐỊNH			NGHỊ ĐỊNH	
		Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ		
		Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;	Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 20 - 4 - 2020
		Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;	Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
		Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;	Căn cứ Luật Xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 6 tháng 4 năm 2016;	Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
		Căn cứ Luật Xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 14 tháng 6 năm 2005;	Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2016;	Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
		Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;	Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;	Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
		Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;	Căn cứ Luật Quan lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quan lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật Quan lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;	Căn cứ Luật Quan lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quan lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật Quan lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
		Căn cứ Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;	Căn cứ Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;	Căn cứ Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;
		Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2013;	Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2013;	Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2013;
		Căn cứ Luật Ngan sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;	Căn cứ Luật Ngan sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;	Căn cứ Luật Ngan sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
				Căn cứ Luật Chuyen giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
		Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;		Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
	<i>Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.</i>			<i>Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.</i>
	<i>(Nội dung in đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)</i>			<i>(Nội dung in đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)</i>
	Chương I			
	QUY ĐỊNH CHUNG			
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh			Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ
				<p>Tiếp thu, bổ sung: Lý do Khái niệm tại Nghị định cũ về CNHT, sản phẩm CNHT, các hoạt động phát triển CNHT chưa bao quát hết các ngành và lĩnh vực sản xuất CNHT trên thực tế. Nhiều doanh nghiệp chuyên xử lý các công đoạn như rèn, dập, đúc, mạ, tráng, sơn, 1. Công nghiệp hỗ trợ phụ liệu, phụ kiện, vật liệu, linh kiện, phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn thiện, sản phẩm CNHT, rất cần được chỉnh.”, khái niệm này đã được bổ sung thêm phụ liệu và khuyến khích. Nhưng do đây là sản phẩm trung gian, phụ kiện, phụ liệu, để bao trùm được thêm các sản phẩm CNHT không chế tạo, sản xuất ra sản phẩm cụ thể nên hiện cho ngành CN dệt may, da giày không nằm trong danh mục được hưởng ưu đãi; tương tự, các hoạt động phát triển CNHT tại Nghị định cũ chưa bao quát hết được các hoạt động CNHT đã, đang và sẽ triển khai trên thực tế.</p>
				<p>04 đơn vị: Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Tây Ninh, UBND tỉnh Tây Ninh, Sở Càu Thơ</p> <p>1. Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm CNHT.</p>

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
				<p>Tiếp thu, Sửa đổi, bổ sung. Lý do: Tuy đã được xây dựng khá rộng với mục đích để tránh bỏ sót, tuy nhiên vẫn còn thiếu, chưa bao trùm hết các sản phẩm CNHT cần ưu tiên phát triển của từng ngành. Bên cạnh đó, sau hơn 03 năm thực hiện, trình độ của các doanh nghiệp cũng nhu nhược cầu các sản phẩm CNHT đã có nhiều thay đổi. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và các sản phẩm được tạo ra từ các công đoạn gia công thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này được điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội theo từng thời kỳ.”</p> <p>Khái niệm này đã được bổ sung thêm các sản phẩm được tạo ra từ các công đoạn gia công và các công đoạn gia công này được bổ sung trong Phụ lục II của Nghị định</p> <p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 3 như sau</p> <p>“3. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và các sản phẩm được tạo ra từ các công đoạn gia công thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này được điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội theo từng thời kỳ.”</p>

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
				<p>Thay thế Khoản 4 Điều 3 như sau:</p> <p>"Hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ là các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân về công nghiệp hỗ trợ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; <p>Sửa đổi, bổ sung. Lý do: Để bổ sung các hoạt động - Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng phát triển CNHT cho phù hợp với thực tế, Dự thảo yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị Nghị định sửa đổi, bổ sung đã thay thế Khoản 4 Điều 3 doanh nghiệp, quản trị sản xuất;</p> <p>về các hoạt động phát triển CNHT theo hướng phù hợp với thực tế triễn khai và các văn bản về Chương Ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyên giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu; - Xây dựng cơ sở dữ liệu, thực hiện các hoạt động thông tin, truyền thông về công nghiệp hỗ trợ; - Cung ứng dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; - Các hoạt động khác có liên quan.
	<p>4. Hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ bao gồm: Hoạt động trợ giúp của cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân về công nghiệp hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ chuyên giao công nghệ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, hợp tác quốc tế, phát triển thị trường; đầu tư dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; cung ứng dịch vụ phục vụ công nghiệp hỗ trợ.</p> <p>5. Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động xúc tiến, trợ giúp phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm mục tiêu phát triển sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.</p>			<p>Điều 5. Ứng dụng và chuyển giao</p> <p>Điều 5. Ứng dụng</p> <p>5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau: "Điều 5. Ứng dụng và chuyển giao</p>
				<p>17 đơn vị: Sở Hưng Yên, Sở Quảng Trị, Sở Hà Nam, Sở Thanh Hóa, Sở Quảng Nam, Sở Phú Yên, Sở Điện Biên, Sở Bắc Ninh, Sở Hà Tĩnh, Sở Lạng Sơn, Sở Bắc Giang, Sở Triển thu Thái Nguyên, Sở Trà Vinh, Bộ Quốc Phòng, UBND Hải Phòng, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND tỉnh Lào Cai</p>

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
	1. Tổ chức, cá nhân thực hiện chuyên giao công nghệ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hưởng ưu đãi của pháp luật về chuyên giao công nghệ và các ưu đãi khác theo quy định hiện hành.		Tiếp thu, sửa đổi, giải trình. Lý do: Điều 5 Nghị định "I. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động ứng dụng, cũ dù đã có quy định về chính sách hỗ trợ đối với hoạt động chuyên giao công nghệ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ từ ưu tiên phát triển, tuy nhiên còn thiếu cụ thể, doanh Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ. Quy định mới nghiệp khó xác định được các chương trình và chính công nghệ quốc gia, Quy phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	
	b) Chi phí chế tạo thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hỗ trợ tối đa đến 50%.		Tiếp thu: sửa đổi theo danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển	b) Chi phí chế tạo thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tối đa đến 50%.
	Điều 6. Phát triển nguồn nhân lực			
			Thực tế cho thấy, trước khi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP được ban hành, trong thời gian Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg về phát triển công nghiệp hỗ trợ có hiệu lực, không có doanh nghiệp CNHT có quy mô nhỏ và vừa nào được bảo lãnh vay và vay vốn qua Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB). Mặc dù thủ tục CNHT đã được đơn giản hóa tối đa, cho đến nay vẫn chưa có doanh nghiệp CNHT nào được bảo lãnh vay và vay vốn từ VDB. Nguyên nhân chính là VDB được thiết kế hoạt động không để phục vụ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tín dụng có quy mô nhỏ. Trong khi đó, các doanh nghiệp CNHT Việt Nam lại chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Từ thực tế đó, Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan đến chính sách hỗ trợ tín dụng như sau:	Bổ sung "Điều 8a. Chính sách hỗ trợ tín dụng" như sau: - Tại Nghị định cũ, chính sách hỗ trợ tín dụng được đặt trong Chương III về chính sách ưu đãi (điểm c Khoản 1 Điều 12). Tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, nội dung về hỗ trợ tín dụng được chuyển về chương II – Các doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ để đảm bảo logic và phù hợp với kết cấu chung của Nghị định

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
				<p>1. Hỗ trợ 3% lãi suất từ ngân sách nhà nước khi vay vốn đầu tư từ ngân hàng thương mại với hạn mức tối đa không quá 80% tổng mức đầu tư của dự án trong thời hạn tối đa 10 năm.</p> <p>2. Được vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với mức lãi suất cho vay theo trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời kỳ."</p>
				<p>Bổ sung "Điều 8b. Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường" như sau:</p> <p>Dối với chính sách về đất đai và môi trường: Nghị định 111/2015/NĐ-CP quy định những ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước, cũng như việc xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của các Dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển - đặc biệt là cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, trong pháp luật về đất đai và môi trường không có các quy định đặc thù và rõ ràng về các ưu đãi này cho các dự án công nghiệp hỗ trợ, do đó, chưa có doanh nghiệp CNHT nào tiếp cận trung và hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn được với các ưu đãi nói trên. Đồng thời, tương tự chính sách hỗ trợ tín dụng, Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường được chèn vào trong Chương II về Các chính sách hỗ trợ để phù hợp với logic chung của Nghị định.</p> <p>1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn mới trường từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ có mục tiêu của ngân sách Trung ương đối với Khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp có ty lệ diện tích đất cho các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thuế, thuê lại tối thiểu đạt 20% diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê của khu, cụm công nghiệp.</p> <p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết điểm này.</p>

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
			<p>24 đơn vị: Sở Lai Châu, Sở Hà Giang, Sở Hồ Chí Minh, Sở Kien Giang, Sở Ninh Thuận, Sở Phú Yên, Sở Quảng Ngãi, Sở Điện Biên, Sở Bắc Ninh, Sở Hà Giang, Sở Hà Tĩnh, Sở Bắc Giang, Sở Đồng Nai, Sở Bình Dương, Sở Thái Nguyên, Sở Phú Thọ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y Tế, UBND thành phố Hải Phòng, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND tỉnh Lào Cai, UBND tỉnh Đăk Lăk, UBND Đà Nẵng, UBND Yên Bái</p> <p>i. Nghị định số 111/2015/NĐ-CP quy định về việc thành lập, chức năng nhiệm vụ và chính sách hỗ trợ cho Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ còn nhiều bất cập:</p> <p>- Việc hình thành Trung tâm trên cơ sở sáp xếp lại các đơn vị hiện có của Bộ Công Thương". Trên thực tế, việc sáp xếp lại các đơn vị hiện có là khá phức tạp và sẽ mất nhiều thời gian, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ thành lập các trung tâm cũng như việc phát huy vai trò của Trung tâm trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, UBND thành phố Hải Phòng; việc quy định việc thành lập trung tâm tại các địa phương là cung nhắc và khó khăn thi vì thực tế, tùy điều kiện, nhu cầu mỗi địa phương mà Trung tâm có nên thành lập hay không.</p> <p>Điều 9. Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ</p> <p>Bài bối, thay thế Điều 9 như sau:</p> <p>"Điều 9. Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp"</p> <p>Từ thực tế các hoạt động ban đầu của Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp (IDC) trực thuộc Cục Công nghiệp và qua khảo sát nhu cầu của các doanh nghiệp CNHT, hiện nay, nhu cầu được tư vấn công nghiệp và sử dụng các thiết bị dùng chung để tiết kiệm nguồn lực trở thành nhu cầu bức thiết của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Theo các doanh nghiệp, quá trình thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm tốn nhiều chi phí, nên rất</p>	<p>2. Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được vay với lãi suất ưu đãi từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam cho hạng mục xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường của Dự án.</p> <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết điểm này."</p>

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
			Tiếp thu, giải trình
	1. Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ được hình thành trên cơ sở sáp nhập lại các đơn vị hiện có của Bộ Công Thương để thực hiện một trong các nhiệm vụ sau:		<p>cần một cơ sở dùng chung như các trung tâm thử nghiệm đang được Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... triển khai.</p> <p>- Ngoài ra, cũng qua thực tế hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp (IDC), việc vận hành hiệu quả Trung tâm gấp nhiều khó khăn do quy định 1. Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp là các tổ chức thực hiện một số chức năng chính như: hỗ trợ các hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính, đặc biệt trong giai đoạn đầu mới di vào hoạt động. Bổ sung các chức năng chính của Trung tâm, theo đó, chức năng chính của Trung tâm</p> <p>a) Thực hiện các hoạt động ứng dụng, chuyên giao công nghệ, hỗ trợ chế tạo thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;</p> <p>b) Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản trị sản xuất phù hợp tiêu chuẩn quốc tế;</p> <p>c) Đào tạo nâng cao nhân lực quản lý kỹ thuật phục vụ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;</p> <p>d) Xúc tiến thương mại; tổ chức hội chợ, triển lãm;</p> <p>d) Xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để thúc đẩy hoạt động công nghiệp hỗ trợ.</p>
	2. Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ được xây dựng có đủ các điều kiện sau:		<p>2. Tiếp thu, giải trình : Việc thành lập các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp được phân tách ra: 02 đối tượng là Trung tâm vùng và Trung tâm của địa phương. Theo đó, thẩm quyền và trách nhiệm xây dựng được giao cho Bộ Công Thương (đối với Trung tâm vùng) và UBND các tỉnh, thành phố (đối với Trung tâm địa phương) và việc thành lập Trung tâm sẽ được thực hiện trên cơ sở xây dựng mới hoặc sáp nhập lại các đơn vị hiện có; đối với địa phương, còn cần cù vào yêu cầu, mục tiêu phát triển công nghiệp hỗ trợ phát triển công nghiệp địa phương trên cơ sở xây dựng mới hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại các đơn vị hiện có</p>
			<p>a) Hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị thí nghiệm - chế tạo thử nghiệm và đội ngũ quản lý chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu của phát triển công nghiệp hỗ trợ;</p> <p>b) Đội ngũ chuyên gia tư vấn về công nghệ, sở hữu trí tuệ và quản trị doanh nghiệp đối với công nghiệp hỗ trợ;</p> <p>c) Có khả năng liên kết với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo trong và ngoài nước phục vụ hoạt động công nghiệp hỗ trợ.</p>

TT	Nghị định đã ban hành	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
			<p>3. Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Ưu tiên bố trí quỹ đất, vốn từ nguồn vốn đầu tư phát triển của Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị; b) Hỗ trợ toàn bộ chi phí bồi thường giải phóng mặt ưu đãi cụ thể, thiết thực. Do vậy trong dự thảo có bổ sung ưu đãi và hỗ trợ cho Trung tâm c) Giao đất không thu tiền sử dụng đất; d) Không phải ký Quyết định đàm dự án; d) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp."

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
		<p>Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển: Bao gồm dự án đầu tư mới, dự án mở rộng và đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới, sản xuất sản phẩm với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%. Tuy nhiên, trong thực tế, doanh nghiệp có nhiều triển khai cho việc thực hiện thủ tục cấp giấy xác nhận ưu đãi.</p> <p>Các doanh nghiệp để nghị xác nhận ưu đãi hầu hết là các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu; các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước được hưởng ưu đãi chiết khấu; các doanh nghiệp có quy mô từ 20% so với doanh nghiệp có quy mô từ 20% so với tổng nguồn giá trị sản có định giá cao nhất.</p> <p>Theo đó, tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, Điều 11, được sửa đổi theo hướng quy định cụ thể hơn về đổi tượng cũng như thời gian xác định dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng đối với CNIIT đến ngành công nghiệp trong nước.</p> <p>Điều 12, tại Khoản 1 Điều 11, được sửa đổi theo hướng quy định cụ thể hơn về đổi tượng cũng như thời gian xác định dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng đối với CNIIT đến ngành công nghiệp trong nước.</p> <p>Điều 12. Chính sách ưu đãi đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển</p>	<p>Tiếp thu, sửa đổi: Điều 11 Nghị định 111/2015/NĐ-CP quy định Đối tượng và thủ tục xác nhận ưu đãi. Trong đó, Dự án sản xuất sản phẩm CNIIT thuộc Danh mục sản phẩm CNIIT ưu tiên phát triển; Bao gồm dự án đầu tư mới, dự án mở rộng và đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới, sản xuất sản phẩm với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%. Tuy nhiên, trong thực tế, doanh nghiệp có nhiều triển khai cho việc thực hiện thủ tục cấp giấy xác nhận ưu đãi.</p> <p>Các doanh nghiệp để nghị xác nhận ưu đãi và được cấp giấy xác nhận ưu đãi hầu hết là các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu; các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước được hưởng ưu đãi chiết khấu; các doanh nghiệp có quy mô từ 20% so với doanh nghiệp có quy mô từ 20% so với tổng nguồn giá trị sản có định giá cao nhất.</p> <p>Theo đó, tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, Điều 11, được sửa đổi theo hướng quy định cụ thể hơn về đổi tượng cũng như thời gian xác định dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng đối với CNIIT đến ngành công nghiệp trong nước.</p> <p>Điều 12. Chính sách ưu đãi đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển</p>	<p>Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển a) Dự án đầu tư mới b) Dự án đầu tư mở rộng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dự án đầu tư mới b) Dự án đầu tư mở rộng bao gồm: Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển a) Dự án đầu tư mới <p>Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu đãi.</p> <p>Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp có nhiều triển khai cho việc thực hiện thủ tục cấp giấy xác nhận ưu đãi.</p> <p>Các doanh nghiệp để nghị xác nhận ưu đãi và được cấp giấy xác nhận ưu đãi hầu hết là các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu; các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước được hưởng ưu đãi chiết khấu; các doanh nghiệp có quy mô từ 20% so với doanh nghiệp có quy mô từ 20% so với tổng nguồn giá trị sản có định giá cao nhất.</p> <p>Theo đó, tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, Điều 11, được sửa đổi theo hướng quy định cụ thể hơn về đổi tượng cũng như thời gian xác định dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng đối với CNIIT đến ngành công nghiệp trong nước.</p> <p>Điều 12. Chính sách ưu đãi đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển</p>
		<p>2. Thủ tục xác nhận ưu đãi:</p>	<p>8 đơn vị: Sở Hưng Yên, Sở Hà Nam, Sở Thanh Hóa, Sở Hải Dương, Ngân hàng nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Bình Thuận, UBND Đà Nẵng,</p>	<p>Sửa đổi "Điều 12 Chính sách ưu đãi "như sau :</p>

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
1.	<p>1. Ưu đãi chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thuế thu nhập doanh nghiệp: Được áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế. b) Thuế nhập khẩu: Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thi hành. c) Tín dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên phát triển được vay với lãi suất vay tín dụng đầu tư từ nguồn tín dụng đầu tư của Nhà nước; - Được vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với mức lãi suất cho vay theo trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời kỳ. d) Thuế giá trị gia tăng: <p>Doanh thu của sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được lựa chọn kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng, theo năm, khai tam tính theo quý.</p> <p>Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết điểm này.</p> <p>d) Bảo vệ môi trường: Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được vay với lãi</p>	<p>Tiếp thu, giải trình:</p> <p>Mặc dù có một số bất cập trên thực tế liên quan đến chính sách hưởng ưu đãi về thuế, cũng như chính sách thuế nói chung như: Hướng ưu đãi về thuế, cũng như chính sách DN (các dự án trước thời điểm 01/01/2015, doanh nghiệp gặp vướng mắc trong quá trình làm việc với cơ quan thuế về việc xin ưu đãi về thuế TNDN theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13, theo đó, các doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện sản xuất sản phẩm CNHT); việc kê khai thuế giá trị gia tăng theo Luật thuế GTGT mới khiến doanh nghiệp CNHT gặp nhiều khó khăn, không khuyến khích được đầu tư.</p> <p>Tuy nhiên, pháp luật về thuế đã quy định trong Luật, do vậy, mọi chính sách phải tuân theo pháp luật về thuế; đồng thời, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị, các thành viên BST nên tại Dự thảo này, các chính sách ưu đãi về thuế cũng được quy định để phù hợp với pháp luật hiện hành, đó là “Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Điều 11 Nghị định này được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế</p>	<p>Tiếp thu, giải trình:</p> <p>1. Ưu đãi về thuế:</p> <p>Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Điều 11 Nghị định này được miễn tiền thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày được xác nhận ưu đãi, thuế mặt nước và giảm 50% tiền thuê đất, thuế mặt nước trong 5 (năm) năm tiếp theo.”</p>	<p>2. Chính sách ưu đãi về thuế đất, mặt nước</p> <p>Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Điều 11 Nghị định này được miễn tiền đất, mặt nước được quy định cụ thể hơn tại Khoản 2 thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày được xác nhận ưu đãi, thuế mặt nước và giảm 50% tiền thuê đất, thuế mặt nước trong 5 (năm) năm tiếp theo.”</p>
			<p>Tiếp thu, giải trình: Nhằm khích lệ các doanh nghiệp đầu tư vào CNHT, chính sách ưu đãi về thuế đất, mặt nước được quy định cụ thể hơn tại Khoản 2 thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày được xác nhận ưu đãi, thuế mặt nước và giảm 50% tiền thuê đất, thuế mặt nước trong 5 (năm) năm tiếp theo.”</p>	<p>Sửa đổi điều 1 Khoản 1 Điều 14 như sau:</p> <p>“đ) Phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ;</p>
		<p>UBND Đà Nẵng, Sở Quango Nam, Sở Kiên Giang,</p>	<p>Tiếp thu, giải trình: Từ các điểm điều chỉnh bổ sung trên, cùng thực tế triển khai, Dự thảo Nghị định được sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến điều khoản thi hành</p>	<p>Bổ sung điều m Khoản 1 Điều 14</p> <p>“m) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, tổ chức đánh giá, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ định kỳ hai (02) năm một lần.”</p>
		<p>Sở Bình Dương</p>		

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình
	Các dự án đang sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển tiếp tục được hưởng các ưu đãi mới theo quy định tại Nghị định này.	03 đơn vị: Kiên Giang, Đồng Nai, Bộ Tài chính	"Việc xử lý chuyển tiếp đối với các dự án đang sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, thuế và đất đai."
		Sửa đổi Khoản 1 Điều 4; Điều 8; điểm e, Khoản 2 Điều 10; như sau	
		Tiếp thu, sửa đổi để phù hợp với các nội dung điều chỉnh trong dự thảo	Thay thế cụm từ "sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển" tại các mục, Khoản, Điều nếu trên bằng cụm từ "sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển".
		Sửa đổi, điểm a Khoản 1 Điều 6, điều a Khoản 2 và Khoản 4 Điều 11, Khoản 5 Điều 14 như sau	
		Tiếp thu, sửa đổi để phù hợp với các nội dung điều chỉnh trong dự thảo	Thay thế cụm từ "dự án sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển" tại các mục, Khoản, Điều nếu trên bằng cụm từ "Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển".
		Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện	
		Tiếp thu, sửa đổi	1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.
	Điều 17. Hiệu lực thi hành	Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và bãi bỏ Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2011 về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ và Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan.	
	Điều 18. Trách nhiệm thi hành	1. Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai Nghị định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện và những vấn đề mới này sinh cần xử lý. 2. Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.	Tiếp thu, sửa đổi

TT	Nghị định đã ban hành TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG (Đã ký)	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
	Nguyễn Tân Dũng	Nguyễn Xuân Phúc		
		Noi nhận:	Noi nhận:	
		<ul style="list-style-type: none"> - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, CN (2b).PC. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, CN (2b). 	
			PHỤ LỤC I	DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ UU TIÊN PHÁT TRIỂN
				(Ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ)
			I. NGÀNH DÉT - MAY:	
				<ul style="list-style-type: none"> - Xơ thiên nhiên: Bông, day, gai, tơ tằm;

TT	Nghị định đã ban hành	Y kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình
	<ul style="list-style-type: none"> - Xơ tổng hợp: PE, Viscose; - Sợi dệt kim, sợi dệt thoi; sợi Polyester có độ bền cao, sợi Spandex, nylon có độ bền cao; - Vải: Vải kỹ thuật, vải không dệt, vải dệt kim, vải dệt thoi; - Chỉ may trong ngành dệt may; - Hóa chất, chất trợ, thuốc nhuộm phục vụ ngành nhuộm hoàn tất vải; - Phụ liệu ngành may: Cúc, mex, khóa kéo, băng chun. 	<p>II. NGÀNH DA - GIÀY:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Da, vải giả da, chí, - Đê giày, mũi giày, dây giày; - Phụ kiện, phụ liệu ngành da - giày - Hóa chất thuộc da; - Khuôn (Phom) giày; - Các sản phẩm từ công đoạn thuộc, nhuộm, hoàn tất, in, thêu. - Hạt nhựa, cao su nguyên liệu. 	<p>Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất, chất trợ, thuốc nhuộm phục vụ ngành nhuộm hoàn tất vải; - Phụ kiện, phụ liệu ngành may và các chi tiết cấu thành các sản phẩm từ công đoạn nhuộm, hoàn tất, in, thêu.
	<ul style="list-style-type: none"> - Da thuộc; - Vải giả da; - Đê giày, mũi giày, dây giày; - Hóa chất thuộc da; - Da muối; - Chỉ may giày; - Keo dán giày, Phụ liệu trang trí như khóa, khoen, móc... 	<p>III. NGÀNH ĐIỆN TỬ:</p>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Linh kiện điện tử - quang điện tử cơ bản: Transistor, mạch tích hợp, cảm biến, điện trở, tụ, diode, ăngten, thyristor; - Linh kiện thạch anh; - Vật liệu mache điện tử; - Vật liệu sản xuất linh kiện điện tử: Chất bán dẫn, vật liệu từ cứng, vật liệu từ mềm, chất cách điện tích cực; - Linh kiện sản phẩm điện tử: Linh kiện nhựa, linh kiện cao su, chí tiết cơ - điện tử, linh kiện kính; - Pin dùng cho máy vi tính xách tay, điện thoại di động; - Dây và cáp điện, đèn led, tai nghe điện thoại và loa; - Sạc pin điện thoại; 	<ul style="list-style-type: none"> - Linh kiện, cụm linh kiện, phụ tùng của ngành điện tử; - Vật liệu để sản xuất linh kiện, cụm linh kiện, phụ tùng của ngành điện tử. 	

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình
	- Màn hình các loại.		
	IV. NGÀNH SẢN XUẤT LẮP RÁP Ô TÔ:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Động cơ và chi tiết động cơ: Thân máy, piston, trục khuỷu, thanh truyền, bánh răng, cụm ống xả, xi lanh, cụm dầu xi lanh, trục cam, xéc-măng, van động cơ; - Hệ thống bôi trơn: Bộ lọc dầu, bộ làm mát, bộ tản nhiệt, bơm dầu, các loại van; - Hệ thống làm mát: Bộ tản nhiệt, két nước, quạt gió, van hằng nhiệt, bơm nước; - Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Bộ lọc nhiên liệu, bộ lọc không khí, ống dẫn bom nhiên liệu, bộ chế hòa khí, hệ thống phun nhiên liệu; - Khung - thân vỏ - cửa xe: Các chi tiết dạng tấm dột dập, sắt xi, thùng xe tải, bậc lên xuống, cụm cửa xe; - Hệ thống treo: Nhíp, lò xo dân hồi, bộ giảm chấn; 	<p>IV. NGÀNH SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ VÀ CƠ KHÍ CHẾ TẠO:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Linh kiện, cụm linh kiện, phụ tùng của ngành sản xuất, lắp ráp ô tô; máy gia công cơ khí, máy động lực, máy nông nghiệp, đóng tàu; thiết bị nhà máy công nghiệp và thiết bị điện, thiết bị ngành đường sắt, hàng không; - Vật liệu để sản xuất xuất, lắp ráp ô tô; - Khuôn mẫu, đồ gá: Khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá gia công, đồ gá kiểm tra; - Thép chế tạo để gia công linh kiện, phụ tùng 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Bánh xe: Lốp xe, vành bánh xe bằng hợp kim nhôm; - Hệ thống truyền lực: Ly hợp, hộp số, cầu xe, trực các đặng, - Hệ thống lái; - Hệ thống phanh; - Linh kiện điện - điện tử: <ul style="list-style-type: none"> + Nguồn điện: Ác quy, máy phát điện; + Thiết bị đánh lửa: Bugi, cao áp, biến áp; + Rơle khởi động, động cơ điện khởi động; + Dây điện, dây nối, cầu chì, các loại cảm biến, thiết bị tự động điều khiển, bộ xử lý. - Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu: Đèn, còi, đồng hồ do các loại; - Hệ thống xử lý khí thải ô tô; - Linh kiện nhựa cho ô tô; 	<p>Tiếp thu, sửa đổi, giải trình: Tuy đã được xây dựng khá rộng với mục đích để tránh bô sót, tuy nhiên danh mục vẫn còn thiếu, chưa bao trùm hết các sản phẩm CNHT cần ưu tiên phát triển của từng ngành. Bên cạnh đó, sau 04 năm thực hiện, trình độ của các doanh nghiệp cũng như nhu cầu các sản phẩm CNHT đã có nhiều thay đổi.</p> <p>Chính vì vậy tại Dự thảo Nghị định, Danh mục sản phẩm được điều chỉnh cho phù hợp hơn với thực tế theo hướng: bổ sung thêm sản phẩm trong Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển (tại Phụ lục I, Nghị định số 111/2015/NĐ-CP) và bổ sung danh mục các công đoạn gia công tham gia trong quá trình sản xuất sản phẩm CNHT (Phụ lục II) nhằm bổ sung những sản phẩm được tạo ra từ các công đoạn này vào danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển</p>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Linh kiện cao su, vật liệu giảm chấn; - Kính chắn gió, cần gạt nước, ghế xe. 	<p>V. NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Linh kiện cao su, vật liệu giảm chấn; - Kính chắn gió, cần gạt nước, ghế xe. 	
			Gộp chung với Ngành Sản xuất, lắp ráp ô tô

TT	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình
	- Khuôn mẫu, đồ gá: Khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá gia công, đồ gá kiểm tra;		Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
	- Dụng cụ - dao cắt: Dao tiện, dao phay, mũi khoan;		
	- Linh kiện và phụ tùng máy công cơ khí, máy hàn;		
	- Linh kiện và phụ tùng máy động lực, máy nông nghiệp, đóng tàu;		
	- Linh kiện và phụ tùng máy, thiết bị chế biến nông lâm thủy sản và muối;		
	- Dụng cụ đo lường, kiêm tra dùng trong cơ khí: Thước đo, máy đo 3 chiều, máy phân tích thành phần kim loại, máy siêu âm môi hàn;		
	- Chi tiết máy: Bu lông cường độ cao, ốc vít cường độ cao, ô bi, bạc lót, bánh răng, van, khớp các loại, vỏ máy, chi tiết đột dập, hộp biên tốc, xi lanh thủy lực;		
	- Thép chế tạo.		
			VI. CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
			VI. CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
	- Các loại khuôn mẫu: Khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao;		- Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: Các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp;
	- Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: Các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp;		- Các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị: Thiết bị ngoại vi, máy vi tính, đồ điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, pin mặt trời; các loại chip vi xử lý; các bộ điều khiển (Bộ điều khiển khai trình PLC, bộ điều khiển CNC, ...);
	- Các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị: Thiết bị ngoại vi, máy vi tính, đồ điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, pin mặt trời; các loại chip vi xử lý; các bộ điều khiển (Bộ điều khiển khai trình PLC, bộ điều khiển CNC, ...);		- Các cùm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo;
	- Các cùm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo;		- Các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: Các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa;

TR	Nghị định đã ban hành	Ý kiến của Bộ, UBND, SCT, BST, TBT	Tiếp thu, giải trình	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm biến các loại: Cảm biến khí, cảm biến gia tốc, cảm biến tốc, cảm biến từ trường; cảm biến sinh học, cảm biến nhiệt độ, cảm biến độ ẩm, cảm biến ánh sáng, cảm biến áp suất....; - Các loại động cơ thế hệ mới: Động cơ điện, động cơ ô tô, động cơ servo (động cơ bước), động cơ từ kháng, động cơ tuyến tính; - Các cơ cấu chấp hành có độ chính xác cao - Các cụm linh kiện hàng không, máy bay. <p>PHỤ LỤC II</p> <p>DANH MỤC SẢN PHẨM CỦA CÁC CÔNG DOẠN TẠO RA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN</p> <p>(Ban hành kèm theo Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các công đoạn đúc, tạo khuôn, tạo hình (nhựa), hàn, xử lý nhiệt, xử lý bề mặt; - Các công đoạn nhuộm, hoàn tất, in, thêu. - Các công đoạn 		<ul style="list-style-type: none"> - Cảm biến các loại: Cảm biến khí, cảm biến nhiệt độ, cảm biến từ trường; cảm biến sinh học, cảm biến ánh sáng, cảm biến áp suất....; - Các loại động cơ thế hệ mới: Động cơ điện, động cơ ô tô, động cơ servo (động cơ bước), động cơ từ kháng, động cơ tuyến tính; - Các cơ cấu chấp hành có độ chính xác cao - Các cụm linh kiện hàng không, máy bay. 	